



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ : Phòng 3203, nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Q. Cầu Giấy, Hà Nội.

Address: Room 3203, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.

Tel: +84.4 222 12 891 | Fax: +84.4 222 12 892 | Email: ifc@ifcvietnam.com.vn | Website: www.ifcvietnam.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THƯƠNG MẠI TÂY NINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010



MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 20

1/2024
1/2024

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại Tây Ninh (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thái Bình	Chủ tịch
Ông Lê Văn Liêm	Phó chủ tịch
Ông Lê Hữu Phước	Thành viên
Ông Trần Cảnh Lạc	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Sứ	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Thái Bình	Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Liêm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Hữu Phước	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Thái Bình
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 4 năm 2011



Kiểm toán
Kế toán
Thuế
Tư vấn

Số: 025 /2011/BCKT-IFCHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại Tây Ninh

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại Tây Ninh**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại Tây Ninh (gọi tắt là "Công ty") cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 25 tháng 4 năm 2011 từ trang 5 đến trang 20. Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Ngoại trừ hạn chế phạm vi kiểm toán được đề cập dưới đây, chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi chỉ được bổ nhiệm thực hiện kiểm toán cho Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại Tây Ninh (Công ty mẹ) và Công ty Cổ phần Lữ hành Tây Ninh với tỷ trọng tài sản chiếm 47%, nợ phải trả chiếm 41%, vốn chủ sở hữu chiếm 77% và tổng doanh thu chiếm 65% so với các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Các công ty kiểm toán độc lập khác đã kiểm toán các công ty con của Công ty là Công ty Cổ phần Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh và Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh với tỷ trọng tài sản chiếm 53%, nợ phải trả chiếm 59%, vốn chủ sở hữu chiếm 23% và tổng doanh thu chiếm 35% so với các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các công ty kiểm toán này đã phát hành báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh với ý kiến chấp nhận toàn phần và báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh với ý kiến ngoại trừ liên quan đến việc công ty này chưa trích lập dự phòng cho khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Nước khoáng Ninh Điền Tây Ninh. Chúng tôi không thực hiện các thủ tục soát xét cần thiết theo qui định liên quan đến Báo cáo tài chính của các công ty chúng tôi không tiến hành kiểm toán.

15/04/2011
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THƯƠNG MẠI TÂY NINH

BÁO CÁO KIỂM TOÁN (Tiếp theo)
Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại Tây Ninh

Cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

Ngày 27 tháng 5 năm 2009, Đại hội cổ đông thường niên của Công ty Cổ phần Nước khoáng Ninh Điền Tây Ninh đã quyết định giải thể công ty này do kinh doanh không hiệu quả. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty này dùng để hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 với số lỗ là 626.504.443 đồng được Công ty xác định dựa trên Báo cáo tài chính chưa được kiểm toán. Tại thời điểm phát hành báo cáo này, các thủ tục thanh lý, giải thể của công ty này vẫn chưa hoàn tất. Chúng tôi không thu thập được bằng chứng đầy đủ và thích hợp để đánh giá tính hợp lý của số liệu này, nên không đưa ra ý kiến về khoản mục này cũng như ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Công ty chưa điều chỉnh hồi tố khoản chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp thêm liên quan đến giai đoạn từ ngày 5 tháng 2 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2007, năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 do Công ty không thuộc đối tượng được ưu đãi miễn giảm thuế quy định trong Thông tư số 134/2007/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2007 của Bộ Tài chính. Nếu Công ty ghi nhận các khoản chi phí thuế này vào Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 5 tháng 02 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2007, năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 thì chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các giai đoạn/năm này sẽ tăng lên tương ứng với số tiền lần lượt là: 855.038.880 đồng, 458.308.910 đồng và 567.624.894 đồng, đồng thời chỉ tiêu Quỹ đầu tư phát triển trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 sẽ giảm 1.880.972.684 đồng và chỉ tiêu Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất sẽ tăng lên một khoản tương ứng.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất của các vấn đề được nêu tại phần Cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Phạm Tiến Dũng
Giám đốc Chi nhánh
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0747/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (IFC)
Ngày 25 tháng 4 năm 2011

Lương Xuân Trường
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1741/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		141.958.293.281	116.638.238.593
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	21.040.834.316	19.748.551.825
1. Tiền	111		9.455.405.087	9.448.551.825
2. Các khoản tương đương tiền	112		11.585.429.229	10.300.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	100.240.000.000	75.597.306.765
1. Đầu tư ngắn hạn	121		100.240.000.000	75.597.306.765
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		7.781.918.274	8.248.194.446
1. Phải thu khách hàng	131		3.229.539.053	2.157.774.617
2. Trả trước cho người bán	132		1.608.914.482	1.045.896.322
5. Các khoản phải thu khác	135	7	2.989.364.739	5.116.340.895
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(45.900.000)	(71.817.388)
IV. Hàng tồn kho	140	8	8.353.534.994	10.150.237.467
1. Hàng tồn kho	141		8.353.534.994	10.251.658.184
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(101.420.717)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.542.005.697	2.893.948.090
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		61.182.840	71.992.069
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		146.136.148	52.054.888
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	9	537.549.784	124.229.804
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	3.797.136.925	2.645.671.329
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		24.418.691.194	26.400.912.004
II. Tài sản cố định	220		15.349.757.461	15.129.699.566
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	13.962.120.061	13.516.642.654
- Nguyên giá	222		93.931.630.706	91.384.671.046
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(79.969.510.645)	(77.868.028.392)
3. Tài sản cố định vô hình	227	12	225.000.000	225.000.000
- Nguyên giá	228		225.000.000	225.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		1.162.637.400	1.388.056.912
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		7.277.922.097	9.456.190.059
2. Đầu tư vào công ty liên kết liên doanh	252	13	5.501.182.501	7.479.450.463
3. Đầu tư dài hạn khác	258		1.776.739.596	1.976.739.596
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.791.011.636	1.815.022.379
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.402.299.516	1.488.950.482
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		188.712.120	126.071.897
3. Tài sản dài hạn khác	268		200.000.000	200.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		166.376.984.475	143.039.150.597

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		23.771.168.980	19.748.422.513
I. Nợ ngắn hạn	310		22.522.499.701	18.831.829.709
2. Phải trả người bán	312		2.242.857.444	1.488.558.673
3. Người mua trả tiền trước	313		247.578.051	198.922.511
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	6.226.768.465	6.138.146.437
5. Phải trả người lao động	315		6.480.968.260	5.174.656.187
6. Chi phí phải trả	316		519.014.075	906.812.902
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	5.686.510.793	3.863.409.825
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.118.802.613	1.061.323.174
II. Nợ dài hạn	330		1.248.669.279	916.592.804
3. Phải trả dài hạn khác	333		84.450.000	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1.164.219.279	916.592.804
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		88.462.335.123	81.637.822.832
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	88.462.335.123	81.637.822.832
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		45.702.089.498	45.702.089.498
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		987.223	106.346
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		21.842.116.835	14.601.446.696
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.849.274.513	1.071.881.755
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		17.067.867.054	20.262.298.537
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		54.143.480.372	41.652.905.252
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		166.376.984.475	143.039.150.597



Nguyễn Thái Bình
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 4 năm 2011

Võ Phước Hồng
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 02-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	148.603.721.821	135.137.217.446
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		(215.338.112)	(187.309.138)
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		148.388.383.709	134.949.908.308
4. Giá vốn hàng bán	11	18	84.116.070.695	80.938.029.699
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		64.272.313.014	54.011.878.609
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	13.360.729.634	16.021.876.538
7. Chi phí tài chính	22		74.105.329	9.840.466
8. Chi phí bán hàng	24		23.892.435.581	17.421.971.073
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		10.800.881.776	13.505.018.842
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		42.865.619.962	39.096.924.766
11. Thu nhập khác	31		329.221.581	573.854.679
12. Chi phí khác	32		45.626.237	114.743.316
13. Lợi nhuận khác	40		283.595.344	459.111.363
14. Phần lợi nhuận trong công ty liên kết, liên doanh	45		960.253.582	1.020.181.562
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		44.109.468.888	40.576.217.691
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	20	10.719.694.470	6.167.656.921
17. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(62.640.223)	(26.902.705)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		33.452.414.641	34.435.463.475
19. Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		15.430.465.256	13.377.553.710
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		18.021.949.385	21.057.909.765
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	21	3.943	4.608



Nguyễn Thái Bình
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 4 năm 2011

Võ Phước Hồng
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 03-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2010	Năm 2009
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	201.162.234.485	166.539.646.284
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(140.860.748.406)	(90.549.028.618)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(13.468.616.770)	(12.880.538.210)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(74.105.329)	(4.960.383)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(11.075.102.110)	(66.580.880)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	58.471.782.494	73.907.954.723
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(60.812.341.311)	(103.409.065.451)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	33.343.103.053	33.537.427.465
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(2.562.875.054)	(292.028.622)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản khác	22	5.126.364	272.700.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(286.540.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	255.850.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(112.343.541.659)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	94.800.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	11.542.462.171	6.126.836.990
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(21.705.286.519)	(11.436.033.291)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	7.000.000	1.424.711.521
2. Tiền chi trả vốn góp cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	-	(933.055.408)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	13.158.398.496	1.000.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(13.158.398.496)	(1.000.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(10.354.550.000)	(13.608.968.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(10.347.550.000)	(13.117.311.887)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	1.290.266.534	8.984.082.287
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	19.748.551.825	10.758.530.157
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	2.015.957	5.939.381
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	21.040.834.316	19.748.551.825



Nguyễn Thái Bình
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 4 năm 2011

Võ Phước Hồng
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại Tây Ninh (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 259/QĐ/UBND ngày 27 tháng 3 năm 2006 của UBND tỉnh Tây Ninh. Tiền thân của Công ty là Công ty Du lịch Tây Ninh thuộc Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 45030000065 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp lần đầu vào ngày 5 tháng 2 năm 2007. Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 5 tháng 2 năm 2007, vốn điều lệ của Công ty là: 45.702.100.000 đồng, tổng số cổ phần là 4.570.209 với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm kinh doanh mua bán và thực hiện các dịch vụ liên quan đến nhà hàng, khách sạn và dịch vụ du lịch.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được hợp nhất từ các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty mẹ và các Công ty con được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty có 3 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

- Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh

Địa chỉ: xã Ninh Sơn, thị xã Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 51%

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51%

- Công ty Cổ phần Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh

Địa chỉ: 436 Đường 30/4, phường 3, thị xã Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 53,87% (trong đó 51% trực tiếp, 2,87% gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh)

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 53,87%

- Công ty Cổ phần Lữ hành Tây Ninh

Địa chỉ: 436 Đường 30/4, phường 3, thị xã Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 86,41% (trong đó 84,61% trực tiếp, 1,80% gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Khách sạn Hòa Bình)

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 86,41%

Thông tin về công ty liên kết được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 theo phương pháp vốn chủ sở hữu như sau:

- Công ty Cổ phần Gạch ngói Tây Ninh

Địa chỉ: Km28 Quốc Lộ 22B, xã Long Thành Nam, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh

Tỷ lệ phần sở hữu: 36,26%

Tỷ lệ quyền biểu quyết: 36,26%

- Công ty Cổ phần Nước khoáng Ninh Điền Tây Ninh

Địa chỉ: 59 Hoàng Lê Kha, phường 3, thị xã Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh

Tỷ lệ phần sở hữu/ Tỷ lệ quyền biểu quyết: 27,65% (trong đó 20% trực tiếp, 7,65% gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị của hàng tồn kho xuất dùng được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	05 - 24
Máy móc và thiết bị	04 - 07
Thiết bị văn phòng	03 - 14
Phương tiện vận tải	06 - 07

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất không có thời hạn và được trình bày theo nguyên giá.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, và các khoản trả trước dài hạn khác. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Ngoại tệ (Tiếp theo)

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt	1.121.896.268	407.990.461
Tiền gửi ngân hàng	8.333.508.819	9.040.561.364
Tương đương tiền	11.585.429.229	10.300.000.000
Cộng	21.040.834.316	19.748.551.825

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Số dư các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn thể hiện khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ trên ba tháng đến một năm.

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu	2.229.178.082	2.555.066.667
Phải thu nhân viên tiền thuế thu nhập cá nhân	176.549.010	29.276.107
Phải thu cổ tức công ty liên kết	337.220.000	2.065.709.000
Khoản phải thu khác	246.417.647	466.289.121
Cộng	2.989.364.739	5.116.340.895

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.614.283.774	1.951.152.900
Công cụ, dụng cụ	2.993.417.075	2.356.911.575
Hàng hóa	3.744.798.806	5.942.496.033
Hàng gửi đi bán	1.035.339	1.097.676
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(101.420.717)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	8.353.534.994	10.150.237.467

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	333.019.315	-
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	201.508.353	124.229.804
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác nộp thừa	3.022.116	-
Cộng	537.549.784	124.229.804

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tạm ứng	404.696.510	618.609.630
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.043.411.048	1.716.032.332
Tài sản thiếu chờ xử lý	349.029.367	311.029.367
Cộng	3.797.136.925	2.645.671.329

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

11. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tài sản có định khác VND	Tổng cộng VND
NGUYỄN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2010	36.695.517.199	46.680.544.223	5.392.139.835	1.336.715.948	1.279.753.841	91.384.671.046
Tăng trong năm	552.711.450	70.636.363	57.800.000	191.531.367	1.853.308.209	2.725.987.389
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(167.664.093)	(11.363.636)	(179.027.729)
Tại ngày 31/12/2010	37.248.228.649	46.751.180.586	5.449.939.835	1.360.583.222	3.121.698.414	93.931.630.706
KHẤU HAO LUỸ KẾ						
Tại ngày 01/01/2010	26.120.717.814	46.140.711.809	3.378.048.643	1.192.093.075	1.036.457.051	77.868.028.392
Khấu hao trong năm	1.299.674.903	157.677.447	621.651.044	129.671.307	62.302.233	2.270.976.934
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(158.131.045)	(11.363.636)	(169.494.681)
Tại ngày 31/12/2010	27.420.392.717	46.298.389.256	3.999.699.687	1.163.633.337	1.087.395.648	79.969.510.645
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2010	10.574.799.385	539.832.414	2.014.091.192	144.622.873	243.296.790	13.516.642.654
Tại ngày 31/12/2010	9.827.835.932	452.791.330	1.450.240.148	196.949.885	2.034.302.766	13.962.120.061

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất của khu nhà ở thuộc Khu dân cư phường 4, thị xã Tây Ninh.

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

Tên công ty liên kết	Hoạt động chính	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010		Tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	
		Tỷ lệ phần sở hữu và biểu quyết năm giữ	Giá trị đầu tư ghi nhận (VND)	Tỷ lệ phần sở hữu và biểu quyết năm giữ	Giá trị đầu tư ghi nhận (VND)
Công ty CP Nước khoáng Ninh Điền Tây Ninh	Sản xuất nước khoáng	27,7%	1.625.587.139	27,7%	1.797.086.632
Công ty CP Gạch ngói Tây Ninh	Xây dựng cơ bản, sản xuất vật liệu xây dựng	36,3%	3.875.595.362	36,3%	5.682.363.831
Cộng			5.501.182.501		7.479.450.463

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	212.233.822	104.621.863
Thuế tiêu thụ đặc biệt	5.823.942.315	14.397.203
Thuế thu nhập doanh nghiệp	181.339.927	6.006.713.574
Các khoản khác	9.252.401	12.413.797
Cộng	6.226.768.465	6.138.146.437

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	160.837.910	19.478.668
Giá trị bao bì vỏ chai phải trả	2.187.067.671	2.171.803.429
Các khoản giữ bảo hành công trình	206.049.099	383.593.529
Các khoản nhận thế chấp, ký quỹ	1.268.238.001	508.273.001
Cổ tức phải trả	254.105.500	-
Tiền đền bù Nhà nghỉ Hòa Bình	256.901.473	256.901.473
Tiền thu cho thuê mặt bằng chờ bàn giao	158.997.288	329.695.800
Phải trả Công ty TNHH Bia và Nước Giải Khát VN	644.991.000	-
Các khoản phải trả khác	549.322.851	193.663.925
Cộng	5.686.510.793	3.863.409.825



HUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỉ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	45.702.089.498	-	6.316.834.188	411.230.972	11.119.188.680	63.549.343.338
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	21.057.909.765	21.057.909.765
Lãi từ công ty liên kết	-	-	-	-	1.020.181.562	1.020.181.562
Trích lập quỹ	-	-	8.284.612.508	689.579.068	(9.808.748.613)	(834.557.037)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(4.341.699.500)	(4.341.699.500)
Thù lao hội đồng quản trị, ban kiểm soát	-	-	-	-	(63.000.000)	(63.000.000)
Tặng khác trong năm	-	106.346	-	-	1.249.538.358	1.249.644.704
Giảm khác trong năm	-	-	-	(28.928.285)	28.928.285	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	45.702.089.498	106.346	14.601.446.696	1.071.881.755	20.262.298.537	81.637.822.832
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	18.021.949.385	18.021.949.385
Lãi từ công ty liên kết	-	-	-	-	960.253.582	960.253.582
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển,	-	-	15.393.270.139	2.777.392.758	(18.170.662.897)	-
Quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-	(2.644.516.632)	(2.644.516.632)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(228.510.500)	(228.510.500)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(1.020.000.000)	(1.020.000.000)
Chi khen thưởng	-	-	-	-	-	-
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	-	-	-	-	(148.657.991)	(148.657.991)
Điều chỉnh trong năm	-	-	(8.152.600.000)	-	-	(8.152.600.000)
Tặng khác trong năm	-	880.877	-	-	-	880.877
Giảm khác trong năm	-	-	-	-	35.713.570	35.713.570
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	45.702.089.498	987.223	21.842.116.835	3.849.274.513	17.067.867.054	88.462.335.123

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Vốn đầu tư của Nhà nước	35.442.289.498	35.442.289.498
Vốn góp của các cổ đông khác	10.259.800.000	10.259.800.000
Cộng	45.702.089.498	45.702.089.498

Cổ phiếu

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Số lượng cổ phiếu được phép ban hành	4.570.209	4.570.209
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	4.570.209	4.570.209
+ Cổ phiếu thường	4.570.209	4.570.209
Số lượng cổ phiếu quỹ được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.570.209	4.570.209
+ Cổ phiếu thường	4.570.209	4.570.209

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu

17. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:		
- Doanh thu bán hàng hóa	78.654.500.515	73.599.001.242
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	69.949.221.306	61.538.216.204
	148.603.721.821	135.137.217.446
Các khoản giảm trừ doanh thu:		
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	(215.338.112)	(187.309.138)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	148.388.383.709	134.949.908.308

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	73.108.026.230	70.766.937.195
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	11.008.044.465	10.171.092.504
Cộng	84.116.070.695	80.938.029.699

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	11.547.804.440	9.551.293.837
Cổ tức, lợi nhuận được chia	739.493.000	2.678.705.000
Doanh thu cho thuê mặt bằng	944.545.456	3.496.409.088
Doanh thu hoạt động tài chính khác	128.886.738	295.468.613
Doanh thu thuần	13.360.729.634	16.021.876.538

20. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Công ty CP Du lịch Tây Ninh	77.111.701	303.535.421
Công ty CP Cáp treo Núi Bà Tây Ninh	10.245.485.322	5.622.254.499
Công ty CP Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh	300.722.210	175.793.344
Công ty CP Lữ hành Tây Ninh	96.375.237	66.073.657
Chi phí thuế TNDN hiện hành	10.719.694.470	6.167.656.921

21. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	18.021.949.385	21.057.909.765
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	4.570.209	4.570.209
	3.943	4.608

22. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có giao dịch với bên liên quan như sau:

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Cổ tức được chia trong năm từ Công ty Cổ phần Gạch Ngói Tây Ninh	708.162.000	606.996.000

Tại ngày kết thúc niên độ, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau:

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Phải thu tiền cổ tức Công ty Cổ phần Gạch Ngói Tây Ninh	337.220.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Thu nhập của Ban Giám đốc trong năm như sau:

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lương và thưởng	658.950.550	618.380.960

23. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất.

24. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.



Nguyễn Thái Bình
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 4 năm 2011

Võ Phước Hồng
Kế toán trưởng